

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 09- 8 - 2019

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền

Ông Hồ Đức Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Thanh Hiền**- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2019/TLPT-HNGĐ ngày 08/7/2019. Do có kháng cáo của bị đơn anh Trần Quốc T đối với Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2019/HNGĐ-ST ngày 07/6/2019 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXX-PT ngày 26/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm 09/2019/HNGĐ-ST ngày 07/6/2019 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Về tình cảm: Chị Trần Thị L và anh Trần Quốc T đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi cưới vợ chồng tìm hiểu nhau chưa kỹ nên khi lấy nhau về thường xuyên bất hòa quan điểm sống, không thể chia sẻ cùng nhau, không thể tìm được tiếng nói chung. Chị L không thể chịu đựng thêm được nữa, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sau đó Chị L đi làm ăn ở Hà Nội, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay Chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị L được ly

hôn với anh T. Về con chung, tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quốc T cũng xác nhận về điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng đúng như Chị L đã trình bày. Vợ chồng sống hạnh phúc, không có việc gì xảy ra mâu thuẫn nhiều, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì Chị L bỏ đi. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân và anh cũng thừa nhận không còn tình cảm với Chị L nhưng anh không đồng ý ly hôn. Các vấn đề về con chung, tài sản chung như Chị L trình bày.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2019/HNGD-ST ngày 07/6/2019 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Trần Quốc T.

2. Về quan hệ con chung: Các bên đương sự không có con chung.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 anh Trần Quốc T kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung không đồng ý ly hôn với Chị Trần Thị L và yêu cầu Chị L phải trả lại cho anh T số tiền 76.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo anh T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 09/2019/HNGD-ST ngày 07/6/2019 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH:

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Trần Quốc T thấy rằng:

[1] Về tình cảm: Hôn nhân giữa Chị Trần Thị L và anh Trần Quốc T là trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Trần Quốc T kháng cáo cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc không có gì mâu thuẫn trầm trọng. Việc ly hôn giữa anh và Chị L chưa được chính quyền địa phương hòa giải nhưng tòa án cấp sơ thẩm vẫn nhận định là đã được hòa giải và giải quyết cho hai người ly hôn là chưa đảm bảo nên anh yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại việc ly hôn giữa hai người.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và căn cứ quy định tại Điều 52 Luật Hôn nhân và gia đình thì việc hòa giải ở cơ sở được nhà nước và xã hội khuyến khích khi vợ, chồng có yêu cầu ly hôn. Do đó đối với trường hợp ly hôn giữa Chị L và

anh T không thuộc trường hợp bắt buộc phải hòa giải ở cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã hai lần mở phiên hòa giải giữa hai người. Tuy nhiên, lần thứ nhất hòa giải không thành, lần thứ hai anh T đã được tổng đạt thông báo hòa giải và có mặt tại Tòa án nhưng tự ý bỏ về giữa chừng. Như vậy về thủ tục tiến hành hòa giải tại cấp sơ thẩm là đảm bảo quy định pháp luật. Mặt khác anh T cho rằng sau khi cưới hai người chung sống, tuy có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, nhưng trên thực tế sau khi cưới được hai tháng thì anh T và Chị L đã sống ly thân cho đến nay. Bản thân anh T cũng xác nhận không còn tình cảm với Chị L nhưng lại không đồng ý ly hôn. Như vậy xét về mặt tình cảm giữa Chị L và anh T là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cấp sơ thẩm đã căn cứ về thực tế tình trạng hôn nhân giữa hai người và quy định pháp luật để giải quyết cho Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Trần Quốc T là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về tài sản và nợ chung: Anh Trần Quốc T cho rằng quá trình chung sống anh có vay của ông Trần Quốc Cảnh số tiền 76.565.000 đồng để làm ô tô kinh doanh và anh đưa số tiền này cho Chị L cất giữ. Nay anh yêu cầu Chị L phải trả số tiền này lại cho anh để anh trả nợ. Về vấn đề này, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng tại bản tự khai ngày 08/4/2019 anh T khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung với ai. Tại phiên tòa sơ thẩm anh T cũng không có yêu cầu làm rõ thêm vấn đề gì ngoài vấn đề tình cảm. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm anh T yêu cầu Chị L phải trả lại cho anh 76.565.000 đồng nhưng anh T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh có việc đưa tiền cho Chị L và Chị L cũng không thừa nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này, nếu sau này anh T có tài liệu, chứng cứ chứng minh được thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án đòi nợ khác.

Từ những phân tích ở trên, xét thấy bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ cần được giữ nguyên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Kháng cáo của anh Trần Quốc T không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Trần Quốc T. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2019/HNGĐ-ST ngày 07/6/2019 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Áp dụng: khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Trần Quốc T.

2. Về quan hệ con chung: Các bên đương sự không có con chung.

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001405 ngày 29/3/2019 tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện H.

Án phí phúc thẩm: Anh Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 001439 ngày 21/6/2019 tại chi cục thi hành án Dân sự huyện H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện H;
- Chi cục THA.DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền

